

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**Dự thảo 02****NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Hóa chất số 69/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;*

*Thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.*

**Điều 1. Bổ sung khoản 17 Điều 1 như sau:**

“17. Các sản phẩm sau không thuộc đối tượng được điều chỉnh của chương II Nghị định này:

a) Dược phẩm; chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn; thực phẩm; sản phẩm mỹ phẩm; hóa chất trong thiết bị y tế;

b) Thức ăn chăn nuôi; thức ăn thủy sản; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, phân bón hóa học (là phân bón hỗn hợp, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón khoáng sinh học); sản phẩm bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản;

c) Chất phóng xạ; hóa chất trong thiết bị thí nghiệm;

d) Các sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực gia dụng bao gồm keo dán, sản phẩm tẩy rửa;

đ) Xăng, dầu theo quy định pháp luật về xăng, dầu; condensate, naphta sử dụng trong chế biến xăng dầu;

e) Pin, ắc quy, thiết bị chữa cháy; vật liệu xây dựng; sơn, mực in;

g) Các sản phẩm chứa hóa chất khác được nhập khẩu, sản xuất, phối trộn, gia công, đóng gói hoàn chỉnh, lưu thông trên thị trường với mục đích sử dụng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc người sử dụng cuối cùng, không phải là nguyên liệu và không được sử dụng làm nguyên liệu, phụ gia, chất trung gian để sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa khác.”

**Điều 2. Bổ sung khoản 7 Điều 2 như sau:**

“7. Các sản phẩm sử dụng trong lĩnh vực gia dụng là sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt, đời sống hằng ngày của cá nhân và hộ gia đình, không dùng cho mục đích sản xuất công nghiệp trực tiếp.”

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:**

“1. Bộ Công Thương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất sau đây:

a) Quản lý nhà nước đối với hóa chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất là tiền chất thuộc Danh mục do Chính phủ ban hành theo phân công của Chính phủ và hóa chất thuộc Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; quản lý hóa chất sử dụng trong các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng trừ các sản phẩm thuộc thẩm quyền của các bộ, ngành khác;

b) Công bố, vận hành, cập nhật, nâng cấp Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

c) Thống nhất quản lý hoạt động phân loại, ghi nhãn hóa chất; đăng ký, khai báo hóa chất; thông tin an toàn hóa chất; xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh hóa chất;

d) Tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong phạm vi cả nước;

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất;

g) Kiểm tra về hoạt động hóa chất; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;

h) Các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất được Chính phủ phân công.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý việc sử dụng hóa chất trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; kiểm tra về hoạt động hóa chất trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Bộ Xây dựng quản lý việc sử dụng hóa chất trong lĩnh vực xây dựng; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong lĩnh vực xây dựng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất trong lĩnh vực xây dựng; kiểm tra về hoạt động hóa chất trong lĩnh vực xây dựng; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất trong lĩnh vực xây dựng.

4. Bộ Y tế quản lý việc sử dụng hóa chất trong lĩnh vực y tế; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong lĩnh vực y tế; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất trong lĩnh vực y tế; kiểm tra về hoạt động hóa chất trong lĩnh vực y tế; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất trong lĩnh vực y tế.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý việc sử dụng hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; kiểm tra về hoạt động hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

6. Bộ Quốc phòng quản lý việc sử dụng hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng; xử lý, thải bỏ chất độc tồn dư, chất độc tồn dư của chiến tranh, chất độc không rõ nguồn gốc và chất độc bị tịch thu; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng; kiểm tra về hoạt động hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất trong lĩnh vực quốc phòng.

7. Bộ Công an quản lý việc sử dụng hóa chất trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội; kiểm tra về hoạt động hóa chất trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội.

8. Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia hoạt động hóa chất.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý việc sử dụng hóa chất trong nhà trường, cơ sở dạy nghề cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong nhà trường, cơ sở dạy nghề cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hóa chất trong nhà trường, cơ sở dạy nghề cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; kiểm tra về hoạt động hóa chất trong nhà trường, cơ sở dạy nghề cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hóa chất trong nhà trường, cơ sở dạy nghề cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục

quốc dân.

10. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương về việc phân bổ ngân sách bảo đảm nguồn lực để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu chuyên ngành; kết nối Cổng thông tin điện tử quốc gia với hệ thống công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến phục vụ quản lý chuyên ngành hóa chất của Bộ Công Thương.

11. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Luật Hóa chất và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất được phân công, phân cấp;

b) Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động hóa chất, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về hoạt động hóa chất tại địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về hoạt động hóa chất tại địa phương.

d) Tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất tại địa phương.”

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nhà xưởng, kho chứa phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với hoạt động hóa chất, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, tồn trữ hóa chất.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Hóa chất trong kho phải được bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với hoạt động hóa chất, đảm bảo yêu cầu an toàn, thuận lợi cho công tác ứng phó sự cố hóa chất.”

3. Bãi bỏ khoản 9.

**Điều 5. Bãi bỏ khoản 5 Điều 5**

**Điều 6. Bãi bỏ điểm c và điểm d khoản 7 Điều 6**

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:**

1. Bãi bỏ điểm b khoản 4.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;”

3. Bãi bỏ khoản 6.

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:**

1. Bãi bỏ điểm b khoản 3.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;”

3. Bãi bỏ khoản 5.

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:**

1. Bãi bỏ điểm c và điểm h khoản 1.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Bản sao bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất;”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất hoặc giấy tờ chứng minh đã được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.”

4. Bãi bỏ điểm c và điểm g khoản 2.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Bản sao bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh;”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

“e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất hoặc giấy tờ chứng minh đã được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.”

7. Bãi bỏ điểm c và điểm h khoản 3.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 như sau:

“e) Bản sao bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất, kinh doanh;”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau:

“g) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất hoặc giấy tờ chứng minh đã được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thẩm quyền thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có thẩm quyền thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện cho tổ chức.

b) Trường hợp tổ chức có nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại nhiều tỉnh, thành phố khác nhau, tổ chức được lựa chọn nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tại một trong các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính hoặc nơi đặt một trong các cơ sở.

c) Việc cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu. Trường hợp tại thời điểm đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, tổ chức không còn duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất tại địa bàn tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận, tổ chức nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính hoặc nơi đang duy trì cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận trước đó để phối hợp cập nhật cơ sở dữ liệu và thu hồi giá trị Giấy chứng nhận đã cấp.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trình tự, thủ tục thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tồn trữ hóa chất;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ thông báo để tổ chức bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;

c) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức. Trường

hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tồn trữ hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tồn trữ hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tồn trữ hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại [Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này](#);

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh, kho tồn trữ hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

d) Trường hợp tổ chức sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất và đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí tồn trữ hóa chất dựa trên hợp đồng để cấp Giấy chứng nhận; không thực hiện thẩm định, kiểm tra lại điều kiện đối với kho tồn trữ hóa chất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức sử dụng dịch vụ tồn trữ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức sử dụng dịch vụ tồn trữ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất và đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí tồn trữ hóa chất dựa trên hợp đồng và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện; không thực hiện thẩm định, kiểm tra lại điều kiện đối với kho tồn trữ hóa chất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản về việc đã đáp ứng đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;”

đ) Sau khi cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cập nhật thông tin Giấy chứng nhận trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;”

13. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 6 như sau:

“d) Thời hạn của Giấy chứng nhận cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đã cấp.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; quy mô sản xuất hóa chất; chủng loại, hàm lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm: Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

c) Cơ quan cấp Giấy chứng nhận thẩm định các nội dung điều chỉnh và thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục, thời hạn như cấp mới



Giấy chứng nhận.”

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:**

1. Bãi bỏ khoản 3.
2. Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu trả lại hóa chất có điều kiện cho tổ chức nước ngoài do hóa chất không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật hoặc theo thỏa thuận giữa các bên, không nhằm mục đích kinh doanh và không phát sinh lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu trả lại, không cần có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện.

Khi thực hiện thủ tục xuất khẩu, ngoài hồ sơ theo quy định của pháp luật về hải quan, tổ chức, cá nhân xuất khẩu cung cấp hợp đồng, thỏa thuận trả lại hàng hóa hoặc chứng từ, tài liệu khác chứng minh việc xuất khẩu trả lại hàng và không phát sinh lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu trả lại.”

**Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:**

1. Bãi bỏ điểm b khoản 4.
2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;”

3. Bãi bỏ khoản 8.

**Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12 như sau:**

1. Bãi bỏ điểm b khoản 3.
2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;”

3. Bãi bỏ khoản 6.

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, đ, e, g khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;”

2. Bãi bỏ điểm đ khoản 1.
3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, d, đ, e khoản 2 Điều 9 của Nghị

định này;”

4. Bãi bỏ điểm d khoản 2.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, đ, e, g khoản 3 Điều 9 của Nghị định này;”

6. Bãi bỏ điểm đ khoản 3.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp tổ chức sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất và đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí tồn trữ hóa chất dựa trên hợp đồng để cấp Giấy phép; không thực hiện thẩm định, kiểm tra lại điều kiện đối với kho tồn trữ hóa chất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Sau khi cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép cập nhật thông tin Giấy phép trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;”

#### **Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14 như sau:**

1. Bãi bỏ khoản 3.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Bản sao hóa đơn thương mại hoặc hóa đơn chiếu lệ (Proforma Invoice) và bản dịch tiếng Việt có xác thực của tổ chức trong trường hợp hóa đơn được phát hành bằng tiếng nước ngoài; ”

3. Bổ sung điểm h khoản 5 như sau:

“h) Trường hợp xuất khẩu trả lại hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức nước ngoài do hóa chất không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật hoặc theo thỏa thuận giữa các bên, không nhằm mục đích kinh doanh và không phát sinh lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu trả lại thì

không yêu cầu Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu cung cấp hợp đồng, thỏa thuận trả lại hàng hóa hoặc chứng từ, tài liệu khác chứng minh việc xuất khẩu trả lại hàng và không phát sinh lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu trả lại.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra hồ sơ và cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 như sau:

“a) Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép và gửi qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp phát sinh sự cố hệ thống, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp;”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, cấp lại Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 8 như sau:

“a) Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép và gửi qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp phát sinh sự cố hệ thống, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp;”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 như sau:

“b) Trước khi Giấy phép hết hạn tối thiểu 05 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn Giấy phép phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép gửi qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp phát sinh sự cố hệ thống, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp;”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 9 như sau:

“d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kiểm tra, gia hạn Giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không gia hạn Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép từ chối gia hạn trên hệ thống Cổng thông tin một cửa quốc gia và nêu rõ lý do;”

**Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:**

“1. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sản xuất hàng hóa, dịch vụ có nghĩa vụ công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất trước khi nhập khẩu lần đầu và khi thay đổi mục đích sử dụng đã công bố.”

**Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 thuộc Phụ lục I của Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học với mục đích nghiên cứu, y tế, dược phẩm hoặc quốc phòng, an ninh tại cơ sở quy mô đơn lẻ phải đáp ứng các quy định sau:

a) Việc sản xuất được thực hiện trong các thiết bị phản ứng không cấu thành sản xuất liên tục;

b) Dung tích của các thiết bị phản ứng không vượt quá 100 lít và tổng dung tích của các thiết bị phản ứng có dung tích trên 5 lít không vượt quá 500 lít.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Đối với việc sản xuất Hóa chất Bảng 1 tại cơ sở khác với cơ sở quy mô đơn lẻ quy định tại khoản 5 Điều này, phải đáp ứng quy định về cơ sở sản xuất và quy mô sản xuất cho các mục đích cụ thể như sau:

a) Quốc phòng, an ninh: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

b) Nghiên cứu, y tế hoặc dược phẩm: một cơ sở sản xuất với sản lượng không vượt quá 100 gam/năm đối với một hóa chất nhưng tổng sản lượng không vượt quá 10 kg/năm;

c) Phòng thí nghiệm: một cơ sở sản xuất với tổng sản lượng không vượt quá 100 gam/năm.”

4. Bãi bỏ điểm b khoản 7.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 8 như sau:

“a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở sản xuất phải có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;”

6. Bãi bỏ khoản 10.

**Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 17 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Các giấy tờ quy định tại các điểm b, đ, e, g khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm và bản cam kết sản xuất hóa chất cấm để phục vụ mục đích phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;”

3. Bãi bỏ điểm đ khoản 2.

**Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“ b) Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm.”

2. Bãi bỏ điểm b khoản 4.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

“d) Bản cam kết người sử dụng cuối cùng với mục đích phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, điều tra tội phạm, bảo vệ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau:

“a) Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này;”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp lại Giấy phép cho tổ chức. Trường hợp không cấp lại Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp phép và nêu rõ lý

do;”

**Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19 như sau:**

1. Bãi bỏ điểm b khoản 3.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP;”

3. Bãi bỏ khoản 5.

**Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:**

1. Bãi bỏ điểm c và điểm g khoản 1.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Bản sao bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP của người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở tồn trữ hóa chất;”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Bản sao Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất hoặc giấy tờ chứng minh đã được huấn luyện an toàn chuyên ngành hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định.

Trường hợp tổ chức có nhiều cơ sở tồn trữ hóa chất tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau, tổ chức được lựa chọn nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tại một trong các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính hoặc nơi đặt một trong các cơ sở.

Việc cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu. Trường hợp tại thời điểm đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, tổ chức không còn duy trì hoạt động tồn trữ hóa chất tại địa bàn tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận, tổ chức nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính hoặc nơi đang duy trì cơ sở tồn trữ hóa chất; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận trước đó để phối hợp cập nhật cơ sở

dữ liệu và thu hồi giá trị Giấy chứng nhận đã cấp.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Cơ quan có thẩm quyền cập nhật thông tin Giấy chứng nhận trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

“d) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định:

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Trường hợp kho tồn trữ hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt kho tồn trữ hóa chất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế đối với các kho tồn trữ hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản về việc đã đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cập nhật thông tin Giấy chứng nhận trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;”

**Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:**

“1. Miễn cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện và Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hỗn hợp chất chứa hóa chất có điều kiện và hóa chất cần kiểm soát đặc biệt không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Miễn cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hỗn hợp chất chứa hóa chất cần kiểm soát đặc biệt không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Miễn trừ cấp Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm đối với hỗn hợp chất có chứa hóa chất cấm với hàm lượng nhỏ hơn 0,1% ( $<0,1\%$ ) khối lượng của hỗn hợp chất.

4. Miễn trừ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép sản xuất đối với hoạt động san chiết, pha chế hóa chất do tổ chức, cá nhân thực hiện nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nội bộ, kinh doanh của tổ chức, cá nhân đó.

5. Miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với tổ chức có hoạt động cho thuê đất không bao gồm cơ sở vật chất để tồn trữ hóa chất; tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hỗn hợp chất có chứa hóa chất không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

6. Miễn cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hóa chất sử dụng trong phòng thí nghiệm có khối lượng nhỏ hơn hoặc bằng 1 mg cho mỗi lần xuất khẩu, nhập khẩu.

7. Miễn cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; hoạt động mua bán hàng hóa giữa doanh nghiệp trong khu chế xuất với doanh nghiệp nội địa theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương.”

**Điều 22. Bổ sung khoản 5 Điều 22 như sau:**

“5. Tổ chức, cá nhân chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất ghi trong Giấy chứng nhận, Giấy phép kể từ ngày nhận được Quyết định thu



hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép.”

**Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 Điều 23 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Thời hạn thẩm định, xác nhận là 50 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân phải hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 4 như sau:

“g) Trường hợp Hội đồng đánh giá hóa chất kiến nghị Bộ Công Thương cho phép nhập khẩu, sản xuất hóa chất được đánh giá, Bộ Công Thương có trách nhiệm xác nhận đăng ký hóa chất mới trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;”

**Điều 24. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:**

“3. Chế độ cung cấp thông tin

a) Chế độ cung cấp thông tin của cơ quan quản lý nhà nước

Bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Tài chính), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cập nhật, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu quản lý về hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất bao gồm: tình hình hoạt động hóa chất và quản lý hóa chất thuộc lĩnh vực quản lý; kết quả thực hiện chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất.

Bộ Tài chính có trách nhiệm chia sẻ, đồng bộ dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất từ hệ thống thông tin hải quan với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo thời gian thực, bao gồm thông tin về tờ khai hải quan, tên hàng hóa, khối lượng, tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về hóa chất.

Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin đã có trên các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính khi việc đồng bộ, chia sẻ dữ liệu quản lý trên môi trường điện tử của cơ quan quản lý nhà nước được hoàn thiện.

Đối với các nội dung được phân cấp, phân quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin thuộc phạm vi quản lý lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất định kỳ trước ngày 05 hằng tháng hoặc ngay sau khi phát sinh thông tin, bao gồm: Thông tin thủ tục hành chính; thông tin đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; mã số doanh nghiệp/mã số định danh của tổ chức, cá nhân; địa chỉ trụ sở chính, địa điểm sản xuất, kinh doanh, kho chứa hoặc địa điểm hoạt động có liên quan; tên hóa chất, mã CAS, nhóm hóa chất, mục đích sử dụng và quy mô, công suất hoặc khối lượng liên quan; số, ngày cấp, ngày hết hạn và tình trạng hiệu lực của Giấy phép, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ hoặc Quyết định phê duyệt.”

b) Chế độ cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin sau đây vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định bao gồm: Tình hình hoạt động hóa chất của năm trước đó trước ngày 15 tháng 01 hàng năm; tình hình thực hiện dự án theo tiến độ từng giai đoạn đầu tư xây dựng của chủ đầu tư dự án hóa chất trong giai đoạn trước khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng; tình hình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ hằng năm của chủ đầu tư dự án hóa chất sau khi hoàn thành công trình và đưa công trình vào sử dụng; tình hình sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu đối với sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm của tổ chức; tình hình hoạt động hóa chất khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất, chấm dứt hoạt động hóa chất và khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.”

**Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 29 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Công bố các thông tin sau đây lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoá chất trước khi đưa sản phẩm, hàng hoá lưu thông trên thị trường:

- a) Tên sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm;
- b) Tên hóa chất nguy hiểm;
- c) Đặc tính nguy hiểm của hóa chất;
- d) Hàm lượng;
- đ) Lĩnh vực sử dụng của sản phẩm chứa hóa chất nguy hiểm;
- e) Khối lượng sản xuất và nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa hằng năm.”

2. Bổ sung Điều 29a như sau:

“Điều 29a. Phòng thử nghiệm xác định hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hoá

Phòng thử nghiệm xác định hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm hàng hoá phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.”

**Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 30 như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng, tiền chất công nghiệp, hóa chất hạn chế sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo Giấy phép đã được cấp đến khi hết thời hạn của Giấy phép hoặc đến khi được cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Nghị định này, tùy thời điểm nào đến trước. Kể từ ngày được cấp

Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng, tiền chất công nghiệp, hóa chất hạn chế sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp hết hiệu lực. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép mới, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp lại bản gốc Giấy phép cũ cho cơ quan đã cấp; cơ quan cấp phép có trách nhiệm cập nhật, công bố việc hết hiệu lực trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.”

**2. Bổ sung khoản 9 như sau:**

“9. Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực và còn thời hạn bị thu hồi đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hóa chất.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép quy định tại khoản này được thực hiện tương ứng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.”

**Điều 27. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**